TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số 212/2026/HNGĐ -ST
Ngày 17/7/2026
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chấn
Ông Trương Thanh Cường.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lương Bích Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 17/7/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2026/TLST- DS ngày 19/01/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa:

1.*Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1993(Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn M,(Nay là thôn A), xã M, tỉnh Lào Cai.
2.*Bị đơn:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1988(Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn D, xã C, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa nguyên đơn là chị Đinh Thị N1 trình bày: Chị N1 và anh Phạm Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tỉnh Bắc Giang, nay là xã C, tỉnh Bắc Ninh năm 2021 sau đó chung sống với nhau. Chị N1 và anh S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S ham chơi không quan tâm đến gia đình, đồng thời hay đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị N1.Chị N1 và anh S đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên ly thân từ năm 2024, chị N1 về quê sinh sống đến nay. Từ khi ly thân không quan tâm đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế, mỗi người sống một nơi, bỏ mặc nhau sống. Nay chị N1 thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh S.

Về con chung: Không.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn S không tham gia phiên tòa, không tham gia suốt quá trình tố tụng vụ án mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị: Căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28,35,39,147,227, 228, 271,273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N1 được ly hôn anh Phạm Văn S.

Tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

Án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nguyên D là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đặc biệt khó khăn..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định như sau:

[1].Về tố tụng: Việc xét xử vắng mặt Bị đơn nhưng đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật đúng quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N1 là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý nhưng đã có đơn từ chối trợ giúp pháp lý.

[2]. Nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[1.2]. Quan hệ hôn nhân: Chị N1 và anh Phạm Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tỉnh Bắc Giang, nay là xã C, tỉnh Bắc Ninh năm 2021, đủ điều kiện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị N1 là có căn cứ, cần xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình .

[2.2].Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị N1 và anh S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn. Theo chị N1 trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S ham chơi không quan tâm đến gia đình, đồng thời hay đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị N1.Chị N1 và anh S đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên ly thân từ năm 2024, chị N1 về quê sinh sống đến nay. Từ khi ly thân không quan tâm đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế, mỗi người sống một nơi, bỏ mặc nhau sống. Nay chị N1 yêu cầu ly hôn thì anh S cũng không ý kiến gì, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy Tòa án nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N1 và anh S đã trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N1 về việc ly hôn anh S.

[2.3].Về con chung: Không

[2.4].Về tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.5].Án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nguyên D là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đặc biệt khó khăn..

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 28,35,39,227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Định Thị N và anh Phạm Văn S được ly hôn.

2.Tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

3.Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả chị N 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000589 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4.Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật

Nơi nhận:
- *Đương sự*
- *TAND T, BN*
- *VKSNDKV4-BN*
- *THADS T. BN*
- *UBND xã Cẩm Lý*
- *Lưu*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên